

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 39, NĂM 2025

Ngày kiểm tra: 16 tháng 11 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T39001	Lương Quốc	Anh	08/03/2003	Cần Thơ	290	215	505	Không đạt	
2	T39002	Nguyễn Huỳnh Anh	Duy	23/05/2002	Vĩnh Long	300	145	445	Không đạt	
3	T39003	Thái Thị Ngọc	Giang	29/03/2001	Đồng Tháp	155	365	520	Không đạt	
4	T39004	Bùi Thanh	Hoài	25/03/2004	Vĩnh Long	330	380	710	Đạt	
5	T39005	Trần Minh	Huy	26/02/2003	Sóc Trăng	170	340	510	Không đạt	
6	T39006	Trần Quốc	Huy	10/08/2001	Trà Vinh	135	150	285	Không đạt	
7	T39007	Trần Đăng	Khang	10/04/2004	Cà Mau	205	220	425	Không đạt	
8	T39008	Tổng Khánh	Linh	24/12/2003	Bình Dương	175	325	500	Không đạt	
9	T39009	Huỳnh Hữu	Lợi	13/10/2003	Cần Thơ	110	275	385	Không đạt	
10	T39010	Nguyễn Tăng Phúc	Lộc	27/01/2003	Cần Thơ	280	145	425	Không đạt	
11	T39011	Đào Khánh	Nguyên	18/01/2003	Cần Thơ	215	120	335	Không đạt	
12	T39012	Nguyễn Đặng Bảo	Nguyên	18/07/2003	Đồng Tháp	0	0	0	Không đạt	Vắng
13	T39013	Phan Lạc Vĩnh	Phúc	13/06/2004	Cần Thơ	245	130	375	Không đạt	
14	T39014	Trần Thanh	Sang	31/10/2002	Bạc Liêu	325	445	770	Đạt	
15	T39015	Trương Huỳnh Ngọc	Son	19/01/2003	Cà Mau	280	125	405	Không đạt	
16	T39016	Trần	Tiến	14/04/2003	Sóc Trăng	250	320	570	Đạt	
17	T39017	Huỳnh Thị Quỳnh	Trâm	20/05/2003	Cần Thơ	200	330	530	Không đạt	
18	T39018	Trần Như	Trọng	13/11/2002	Cà Mau	265	185	450	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
19	T39019	Nguyễn Thanh	An	05/01/2002	Vĩnh Long	235	225	460	Đạt	
20	T39020	Phan Đăng Bình	An	18/11/2003	Cần Thơ	255	305	560	Đạt	
21	T39021	Trần Bình	An	06/04/2004	Hậu Giang	130	260	390	Không đạt	
22	T39022	Nguyễn Tuyết	Anh	27/09/2003	Bạc Liêu	375	325	700	Đạt	
23	T39023	Trần Quốc	Anh	30/05/2004	Cần Thơ	350	310	660	Đạt	
24	T39024	Lê Hoài	Bảo	22/09/2003	Cần Thơ	185	135	320	Không đạt	
25	T39025	Hồ Nhật	Bằng	10/12/2002	Cà Mau	305	170	475	Không đạt	
26	T39026	Mai Thị Ngọc	Diệu	28/12/2004	Cần Thơ	500	455	955	Đạt	
27	T39027	Trần Thị Mỹ	Dung	01/11/2004	Đồng Tháp	265	305	570	Đạt	
28	T39028	Huỳnh Hà Hữu	Duy	08/03/2002	Cần Thơ	135	195	330	Không đạt	
29	T39029	Nguyễn Khánh	Duy	07/11/2002	Hậu Giang	260	155	415	Không đạt	
30	T39030	Nguyễn Ngọc	Dữ	26/04/2004	Cần Thơ	155	185	340	Không đạt	
31	T39031	Nguyễn Cao	Dự	12/01/2004	Cần Thơ	300	305	605	Đạt	
32	T39032	Lê Hoàng Tấn	Đức	14/04/2003	Cần Thơ	400	370	770	Đạt	
33	T39033	Lê Thị Trương	Giao	04/10/2003	Đồng Tháp	390	165	555	Không đạt	
34	T39034	Võ Thành	Giàu	12/08/2003	Cần Thơ	320	160	480	Không đạt	
35	T39035	Nguyễn Ngọc	Hải	08/06/2004	Cần Thơ	245	160	405	Không đạt	
36	T39036	Trần Hồ Trường	Hải	10/08/2003	An Giang	350	280	630	Đạt	
37	T39037	Lâm Khắc	Hoài	01/07/2003	Cần Thơ	280	320	600	Đạt	
38	T39038	Trương Nhật	Hoàn	24/07/2003	Cần Thơ	145	215	360	Không đạt	
39	T39039	Phan Khánh	Hoàng	30/11/2003	Cần Thơ	350	325	675	Đạt	
40	T39040	Huỳnh Ngọc	Huy	12/08/2003	Hậu Giang	305	260	565	Đạt	
41	T39041	Nguyễn Quốc	Huy	19/05/2003	Cần Thơ	195	365	560	Không đạt	
42	T39042	Nguyễn Thị Như	Huyền	21/05/2003	Kiên Giang	250	305	555	Đạt	
43	T39043	Dương Quốc	Hung	05/11/2003	Sóc Trăng	315	305	620	Đạt	
44	T39044	Trần Minh	Kiệt	31/12/2003	Cần Thơ	270	215	485	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
45	T39045	Nguyễn Hoàng	Kha	10/01/2002	Bạc Liêu	165	155	320	Không đạt	
46	T39046	Nguyễn Trọng	Khải	14/12/2004	Cần Thơ	270	265	535	Đạt	
47	T39047	Hồ Hoàng	Khang	30/12/2003	Cần Thơ	220	135	355	Không đạt	
48	T39048	Trương Lý	Khiêm	07/01/2003	Hậu Giang	215	250	465	Không đạt	
49	T39049	Nguyễn Anh	Khoa	23/09/2003	Cần Thơ	450	365	815	Đạt	
50	T39050	Trương Quốc	Khởi	15/03/2003	Sóc Trăng	165	180	345	Không đạt	
51	T39051	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	185	265	450	Không đạt	
52	T39052	Phạm Tiểu	Lan	17/08/2003	Cần Thơ	165	245	410	Không đạt	
53	T39053	Nguyễn Thị Bích	Liên	26/02/2004	Sóc Trăng	420	440	860	Đạt	
54	T39054	Đồng Tấn	Lộc	01/01/2003	Cần Thơ	350	355	705	Đạt	
55	T39055	Nguyễn Hoàng Bảo	Lộc	01/09/2003	Kiên Giang	280	325	605	Đạt	
56	T39056	Trần Thanh	Mừng	10/04/2003	Hậu Giang	175	145	320	Không đạt	
57	T39057	Lê Thị Diễm	My	20/03/2004	Hậu Giang	370	295	665	Đạt	
58	T39058	Đoàn Lê Hoài	Nam	08/12/2003	Cần Thơ	220	340	560	Không đạt	
59	T39059	Nguyễn Trần Kim	Ngân	01/07/2003	Cần Thơ	310	385	695	Đạt	
60	T39060	Nguyễn Thúy	Nghi	03/05/2004	Cà Mau	355	395	750	Đạt	
61	T39061	Trần	Ngọc	21/07/2003	Bạc Liêu	290	325	615	Đạt	
62	T39062	Trần Tấn	Ngọc	11/03/2003	Cần Thơ	220	295	515	Không đạt	
63	T39063	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	08/05/2003	Cần Thơ	150	190	340	Không đạt	
64	T39064	Lê Tấn	Phát	14/05/2004	Bạc Liêu	115	145	260	Không đạt	
65	T39065	Lý Gia	Phát	24/05/2003	Cần Thơ	0	0	0	Không đạt	Đình chỉ
66	T39066	Phạm Lâm Hữu	Phát	27/07/2003	Cần Thơ	370	305	675	Đạt	
67	T39067	Trương Tam	Phong	18/01/2001	Cần Thơ	0	0	0	Không đạt	Đình chỉ
68	T39068	Nguyễn Gia	Phúc	05/11/2002	Cà Mau	290	325	615	Đạt	
69	T39069	Nguyễn Hồng	Phúc	05/02/2003	Kiên Giang	170	400	570	Không đạt	
70	T39070	Nguyễn Hữu	Phúc	23/09/2003	Cần Thơ	325	325	650	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
71	T39071	Nguyễn Minh Bảo	Phúc	20/08/2002	Cần Thơ	275	300	575	Đạt	
72	T39072	Đinh Thái	Phuong	17/11/2003	Cần Thơ	160	190	350	Không đạt	
73	T39073	Vũ Hồng	Phuong	31/05/2002	Cần Thơ	330	410	740	Đạt	
74	T39074	Nguyễn Nhật	Quang	25/07/2002	Cần Thơ	295	270	565	Đạt	
75	T39075	Nguyễn Nhựt	Quy	08/10/2003	Cần Thơ	200	270	470	Không đạt	
76	T39076	Phan Fu	Sil	16/09/2004	Kiên Giang	155	385	540	Không đạt	
77	T39077	Trần Tấn	Tài	09/09/2001	Cà Mau	170	170	340	Không đạt	
78	T39078	Phan Liên Hữu	Tinh	14/04/2003	Sóc Trăng	175	280	455	Không đạt	
79	T39079	Lê Tấn	Thành	17/06/2002	Cần Thơ	210	385	595	Không đạt	
80	T39080	Quách Cơ	Thành	10/05/2004	Cần Thơ	215	305	520	Không đạt	
81	T39081	Trần Công	Thành	25/12/2003	Cà Mau	235	250	485	Đạt	
82	T39082	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	12/01/2003	Cần Thơ	185	160	345	Không đạt	
83	T39083	Đào Hoàng	Thiện	03/06/2004	Hậu Giang	145	140	285	Không đạt	
84	T39084	Phạm Hoàn	Thiện	04/07/2004	Cần Thơ	340	320	660	Đạt	
85	T39085	Đồng Hoàng	Thiện	03/09/2000	Hậu Giang	430	420	850	Đạt	
86	T39086	Lữ Minh	Thư	11/04/2003	Cần Thơ	215	210	425	Không đạt	
87	T39087	Cao Hoài	Thương	27/10/2003	Cà Mau	135	315	450	Không đạt	
88	T39088	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/02/2003	Kiên Giang	335	260	595	Đạt	
89	T39089	Khúc Thị Bảo	Trân	04/05/2003	Cà Mau	310	280	590	Đạt	
90	T39090	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	05/04/2003	Vĩnh Long	410	290	700	Đạt	
91	T39091	Trần Huỳnh Bảo	Trân	16/09/2004	Sóc Trăng	245	215	460	Không đạt	
92	T39092	Trần Lê Hoàng	Trinh	08/05/2003	Vĩnh Long	215	330	545	Không đạt	
93	T39093	Võ Trần Thúy	Uyên	21/03/2003	Sóc Trăng	300	290	590	Đạt	
94	T39094	Huỳnh Lâm Như	Ý	14/09/2004	Sóc Trăng	320	260	580	Đạt	
95	T39095	Cao Thị Kim	Yến	26/12/2003	Đồng Tháp	170	240	410	Không đạt	
96	T39096	Lê Thị Lan	Anh	20/03/2003	Hậu Giang	180	300	480	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
97	T39097	Đoàn Quốc	Bảo	29/10/2003	Sóc Trăng	380	265	645	Đạt	
98	T39098	Thái Chí	Cường	14/07/2004	An Giang	355	415	770	Đạt	
99	T39099	Lê Thị Ái	Chân	06/01/2003	Sóc Trăng	405	355	760	Đạt	
100	T39100	Nguyễn Phúc	Duy	17/10/2003	Tiền Giang	200	260	460	Không đạt	
101	T39101	Phạm Chí	Đạt	28/09/2004	Vĩnh Long	260	175	435	Không đạt	
102	T39102	Nguyễn Hải	Đăng	31/10/2002	Cần Thơ	0	335	335	Không đạt	Vắng
103	T39103	Võ Thị Ngọc	Giàu	11/02/2004	Sóc Trăng	320	175	495	Không đạt	
104	T39104	Nguyễn Hoàng	Hải	20/06/2003	Sóc Trăng	375	365	740	Đạt	
105	T39105	Thạch Nguyễn Văn	Hiếu	07/12/2003	Trà Vinh	370	405	775	Đạt	
106	T39106	Lý Quốc	Huy	12/09/2003	Sóc Trăng	315	325	640	Đạt	
107	T39107	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	16/08/2004	Cần Thơ	235	150	385	Không đạt	
108	T39108	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21/06/2003	An Giang	295	330	625	Đạt	
109	T39109	Nguyễn Văn Lê	Huỳnh	06/09/2003	Đồng Tháp	395	170	565	Không đạt	
110	T39110	Trương Trung	Kiên	24/01/2003	Cần Thơ	325	210	535	Không đạt	
111	T39111	Đoàn Anh	Kiệt	15/01/2002	An Giang	150	270	420	Không đạt	
112	T39112	Nguyễn Văn Phúc	Khang	22/06/2002	Cần Thơ	220	270	490	Không đạt	
113	T39113	Phạm Hồng	Khuong	05/05/2003	Cần Thơ	135	355	490	Không đạt	
114	T39114	Dương Thị Thùy	Lanh	19/09/2003	Sóc Trăng	250	310	560	Đạt	
115	T39115	Dương Gia	Linh	16/09/2003	Kiên Giang	160	305	465	Không đạt	
116	T39116	Nguyễn Duy	Linh	21/10/2003	Đồng Tháp	305	150	455	Không đạt	
117	T39117	Nguyễn Tấn	Long	01/01/2001	Cần Thơ	365	310	675	Đạt	
118	T39118	Hồ Minh	Luân	17/07/2003	An Giang	370	310	680	Đạt	
119	T39119	Trương Văn	Luân	22/11/2003	Cà Mau	260	235	495	Đạt	
120	T39120	Trương Thị Thúy	Ngân	28/12/2003	Trà Vinh	380	270	650	Đạt	
121	T39121	Lý Mẫn	Nghi	05/05/2003	Sóc Trăng	235	285	520	Đạt	
122	T39122	Nguyễn Lý Minh	Ngọc	26/04/2003	Cần Thơ	225	305	530	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
123	T39123	Từ Kim	Ngọc	19/04/2004	Cần Thơ	110	240	350	Không đạt	
124	T39124	Võ Văn	Nhân	28/10/2001	Đồng Tháp	375	275	650	Đạt	
125	T39125	Huỳnh Thị Yến	Nhi	05/12/2004	Cần Thơ	250	260	510	Đạt	
126	T39126	Lê Thúy	Nhi	11/12/2001	Cà Mau	225	250	475	Đạt	
127	T39127	Nguyễn Thị Huệ	Nhung	01/06/2004	Sóc Trăng	230	165	395	Không đạt	
128	T39128	Dương Tấn	Phát	31/01/2003	Tiền Giang	165	290	455	Không đạt	
129	T39129	Lê Minh	Phú	22/05/2003	Đồng Tháp	225	290	515	Đạt	
130	T39130	Lê Hồng	Phúc	01/11/2003	Đồng Tháp	415	285	700	Đạt	
131	T39131	Nguyễn Nhật	Quang	05/10/2004	Sóc Trăng	340	250	590	Đạt	
132	T39132	Thái Thanh	Quân	12/01/2003	Hậu Giang	190	240	430	Không đạt	
133	T39133	Phạm Nguyễn Quốc	Sự	28/05/2002	Vĩnh Long	310	185	495	Không đạt	
134	T39134	Mai Chí	Thiện	23/05/2003	Cần Thơ	260	145	405	Không đạt	
135	T39135	Kiên An	Trích	10/01/2001	Trà Vinh	235	130	365	Không đạt	
136	T39136	Phạm Kiều Hạ	Vy	11/08/2003	Hậu Giang	295	225	520	Đạt	
137	T39137	Lê Triệu	Vỹ	02/05/2004	Cà Mau	420	240	660	Đạt	
138	T39138	Nguyễn Thị Ngọc	Xoàn	15/09/2003	An Giang	400	320	720	Đạt	

Danh sách 138 thí sinh

Đạt 63 thí sinh

Không đạt 75 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã